

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB cho 29 hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu dân cư Phố Chợ tại khu nội số 2 - Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Đợt 15)

Kính gửi: Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 4545/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố Quyết định thu hồi đất; số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định việc thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; chấp thuận địa điểm đầu tư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 16785/UBND-KTTC ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hỗ trợ khác cho các hộ có đất nông nghiệp bị thu hồi để thực hiện dự án : Khu dân cư Phố Chợ tại khu nội thị số 2 - Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định của UBND thị xã Bỉm Sơn số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 về việc phân định vị trí đất nông nghiệp thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB thực hiện dự án: Khu dân cư Phố Chợ tại khu nội thị số 2 - Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Trên cơ sở kết quả thẩm định Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 01/KQTĐ-TNMT ngày 02/01/2020 của phòng Tài nguyên và Môi trường UBND thị xã Bỉm Sơn; Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Dự án trình Chủ tịch UBND thị xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB cho 29 hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu dân cư Phố Chợ tại khu nội thị số 2 - Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, với các nội dung sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 633.960.000 đồng

(Bằng chữ: Sáu trăm ba ba triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng)

Trong đó:

1.1 Kinh phí chi trả trực tiếp: 621.529.877 đồng

- Bồi thường về Đất đai: 233.077.751 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề: 349.616.626 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 14.040.000 đồng;
- Hỗ trợ khác 5000 đ/m²: 24.795.500 đồng.

1.2 Chi phí tổ chức thực hiện công tác BTHT&TĐC 2%: 12.430.598 đồng.

(Có Bảng tổng hợp kèm theo)

2. Nguồn kinh phí bồi thường GPMB: từ nguồn kinh phí GPMB của dự án Khu dân cư Phố Chợ tại khu nội thị số 2 - Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn.

3. Việc bố trí tái định cư, nơi ở mới: Không.

4. Việc di dời các công trình của Nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư: Không.

5. Việc di dời mồ mã: Không.

Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư Dự án trình Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐBT.

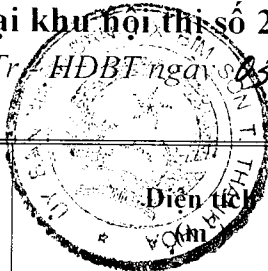


**PHÓ CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ
Tống Thanh Bình**

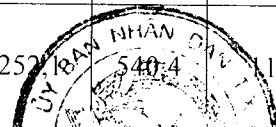
BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ GPMB BỔ SUNG

Dự án: Khu dân cư Phố Chợ tại khu hội thị số 2 - Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Tờ trình số: 14 /TTr/HĐBT ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng BTHT&TĐC dự án)



TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tờ Bản đồ Trích đo số	Thửa đất ảnh hưởng số	Diện tích			Số tiền (đồng)				
					Nguyên thửa	Thu hồi	Còn lại	Bồi thường về đất	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề	Hỗ trợ đời sống và sản xuất	Hộ trợ khác 5000 đ/m ²	Tổng
1	Bà: Trịnh Thị Niệm	Khu phố 4 p. Phú Sơn	1	69	520,3	520,3	0,0	24.454.100	36.681.150	14.040.000	2.601.500	77.776.750
2	Ông: Đinh Văn Lũy Bà: Lại Thị Niên	Khu phố 2, p. Phú Sơn	1	115	736	736,0	0,0	34.592.000	51.888.000	0	3.680.000	90.160.000
3	Bà: Nguyễn Thị Tâm	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	9	1430	30,2	1399,8	1.419.400	2.129.100	0	151.000	3.699.500
4	Ông: Phạm Chí Tuệ	Khu phố 4, p. Phú Sơn	1	14	703,3	274,7	428,6	12.910.900	19.366.350	0	1.373.500	33.650.750
5	Ông: Trịnh Văn Tuế Bà: Nguyễn Thị Út	Khu phố 5, p. Phú Sơn	1	77	837,5	353,3	484,2	16.605.100	24.907.650	0	1.766.500	43.279.250
6	Ông: Nguyễn Văn Thu Bà: Trịnh Thị Liệu	Khu phố 4, p. Phú Sơn	1	114	765	10,4	754,6	488.800	733.200	0	52.000	1.274.000
7	Ông: Đặng Văn Năm	Khu phố 1, p. Phú Sơn	1	81	490	27,3	462,7	1.283.100	1.924.650	0	136.500	3.344.250
8	Bà: Đỗ Thị Tín	Khu phố 5 p. Phú Sơn	1	15	505,2	180,9	324,3	8.502.300	12.753.450	0	904.500	22.160.250
9	Ông: Nguyễn Văn Chung Bà: Lê Thị Mậu	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	24	1094,6	157,1	937,5	7.383.700	11.075.550	0	785.500	19.244.750
10	Bà: Phạm Thị Phương Lan	Khu phố 5, p. Phú Sơn	1	12	374,2	169,1	205,1	7.947.700	11.921.550	0	845.500	20.714.750
11	Ông: Nguyễn Văn Dụng Bà: Trịnh Thị Liên	Khu phố 4, p. Phú Sơn	1	16	792,5	252,4	540,1	1.848.700	17.773.050	0	1.260.500	30.882.250



12	Ông: Trịnh Văn Cầu Bà: Nguyễn Thị Nguyên	Khu phố 5, p. Phú Sơn	1	80	600	38,7	561,3	1.818.900	2.728.350	0	193.500	4.740.750
13	Bà: Nguyễn Thị Nào	Khu phố 4, p. Phú Sơn	1	85	714	66,4	647,6	3.120.800	4.681.200	0	332.000	8.134.000
14	Bà: Phạm Thị Sở	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	7	480,6	12,1	468,5	568.700	853.050	0	60.500	1.482.250
15	Ông: Nguyễn Văn Khôi Bà: Đỗ Thị Năm	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	21	899,4	113,0	786,4	5.311.000	7.966.500	0	565.000	13.842.500
16	Bà: Tạ Thị Lưu	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	120	760,7	69,2	691,5	3.252.400	4.878.600	0	346.000	8.477.000
17	Ông: Lê Văn Thứ Bà: Trịnh Thị Dung	Khu phố 5, p. Phú Sơn	1	11	714,3	336,3	378,0	15.806.100	23.709.150	0	1.681.500	41.196.750
18	Ông: Bùi Quang Tâm Bà: Phạm Thị Minh	Khu phố 4, p. Phú Sơn	1	98	550	67,0	483,0	3.149.000	4.723.500	0	335.000	8.207.500
19	Ông: Nguyễn Văn Nguyên Bà: Bùi Thị Lý	Khu phố 4 p. Phú Sơn	1	9	574,4	281,8	292,6	13.244.600	19.866.900	0	1.409.000	34.520.500
20	Bà: Nguyễn Thị Hiền	Khu phố 4, p. Phú Sơn	1	18	581,2	179,1	402,1	8.417.700	12.626.550	0	895.500	21.939.750
21	Ông: Nguyễn Văn Tuyên Bà: Đào Thị Khuyến	Khu phố 5, p. Phú Sơn	1	17	616,3	192,2	424,1	9.033.400	13.550.100	0	961.000	23.544.500
22	Ông: Lê Văn Thiên Bà: Phạm Thị Huệ	Khu phố 4, p. Phú Sơn	1	68	630,1	7,0	623,1	329.000	493.500	0	35.000	857.500
23	Ông: Đỗ Văn Hồng Bà: Phạm Thị Thu	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	26	508,5	71,2	437,3	3.346.400	5.019.600	0	356.000	8.722.000
24	Ông: Phạm Văn Ba Bà: Đỗ Thị Ngọc	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	29	629,2	287,8	341,4	13.526.600	20.289.900	0	1.439.000	35.255.500
25	Ông: Phạm Văn Hoa Bà: Đinh Thị Mừng	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	23	1103,9	163,2	940,7	7.670.400	11.505.600	0	816.000	19.992.000
26	Ông: Lê Huy Hoàng Bà: Nguyễn Thị Thủy	Khu phố 1, p. Phú Sơn	1	10	428,3	204,4	223,9	9.606.800	14.410.200	0	1.022.000	25.039.000

27	Bà: Trịnh Thị Lợi	Khu phố 5, p. Phú Sơn	1	92	520,5	65,8	454,7	3.092,000	4.638.900	0	329.000	8.060.500
28	Ông: Phạm Văn Ca Bà: Nguyễn Thị Chi	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	25	993	50,7	942,3	2.382.951	3.574.426	0	253.500	6.210.877
29	Bà: Nguyễn Thị Ngân	Khu phố 2, p. Phú Sơn	3	20	580,9	41,8	539,1	1.964.600	2.946.900	0	209.000	5.120.500
A	Tổng:				20.133,9	4.959,1	15.175	233.077.751	349.616.626	14.040.000	24.795.500	621.529.877
B	Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và TĐC 2% :											12.430.598
	Cộng: A+B (Làm tròn)											633.960.000

Nguyễn Thị Lợi

